

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

(ban hành kèm theo Quyết định số 808/QĐ-CDKT ngày 05/5/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

Tên chương trình: Tiếng Việt cho người nước ngoài

Thời gian đào tạo: 10 tháng

Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào: Học viên nước ngoài có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên; có nhu cầu học tiếng Việt để có khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt làm công cụ học tập các ngành, nghề chuyên môn, nghiệp vụ tiếp theo.

A. MÔ TẢ VỀ KHÓA HỌC

Chương trình bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài ở bậc 1, 2, 3, 4 tương thích với các bậc A1, A2, B1, B2; trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt; hiểu biết về văn hóa Việt Nam; kết nối sử dụng tiếng Việt trong các lĩnh vực chuyên môn, ngành, nghề; hiểu biết thông tin học thuật cần thiết; bản chất ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; tham gia giao tiếp bằng tiếng Việt ở trong nước và nước ngoài.

Chương trình trang bị những tri thức ngôn ngữ về các phương diện: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách. Các tri thức này được thể hiện ở các yêu cầu rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cụ thể. Các bài tập thực hành, rèn luyện chú ý đến các tình huống thực tế cụ thể nhằm tăng cường khả năng giao tiếp cho người học (1).

B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương trình, người học có khả năng:

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được những tri thức ngôn ngữ về các phương diện: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách. Các tri thức này được thể hiện ở việc kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cụ thể.

2. Mô tả được các tình huống giao tiếp phù hợp với văn hóa, phong tục tập quán của người Việt.

3. Diễn đạt được phong tục tập quán, lối sống của người Việt nhằm giúp người học có thêm những hiểu biết xã hội giúp cho quá trình học ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt của người học thiết thực (2).

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nói thành thạo, có hiệu quả về nhiều chủ đề chung, chủ đề học thuật, nghề nghiệp hoặc giải trí; giao tiếp trôi chảy, tự nhiên với người Việt.

2. Đọc hiểu được những đoạn văn ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè, và những đoạn văn có những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hàng ngày.

3. Nghe, hiểu được hầu hết các cuộc hội thoại của người Việt, gồm cả những hội thoại thuộc nội dung chuyên môn được đào tạo.

3. Viết được những cụm từ, chuỗi cụm từ, câu đơn giản về bản thân, gia đình, quá trình học tập và công việc hiện tại của mình; viết được bài luận hoặc báo cáo ngắn gọn, đơn giản về những chủ đề quan tâm (3).

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với bạn bè, người Việt bằng tiếng Việt.

2. nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp, xử lý tình huống giao tiếp trong thực tiễn.

3. Thường xuyên thực hành, rèn luyện vận dụng các kiến thức đã học vào việc xây dựng các đoạn văn, văn bản...(4).

C. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

I. Lý thuyết: 860 giờ.

II. Thực hành: 565 giờ.

D. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

| TT | Tên bài, mục | Thời gian | | |
|----|--|------------|------------|------------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành |
| | Phần 1. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài bậc A1 | 360 | 250 | 110 |
| | Bài 1. Âm vị, chữ viết và vần trong tiếng Việt | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 2. Cách đánh vần âm tiết và cách tra từ điển | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 3. Luyện viết chữ cái và chữ số trong tiếng Việt | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 4. Luyện viết các vần tiếng Việt | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 5. Luyện viết chính tả tiếng Việt | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 6. Chào hỏi, làm quen | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 7. Giới thiệu tên. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 8. Giới thiệu quốc tịch. | 16 | 12 | 4 |
| 1 | Bài 9. Nghề nghiệp. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 10. Thời gian (Hỏi giờ). | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 11. Thời gian (Ngày, tháng). | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 12. Thời gian (Ngày, tháng, năm). | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 13. Ôn tập | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 14. Nơi sống và làm việc. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 15. Quê quán. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 16. Nơi học tiếng Việt. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 17. Tìm đường đi. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 18. Phương tiện giao thông. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 19. Gia đình | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 20. Nhà hàng, thực đơn | 18 | 13 | 5 |
| | * Ôn tập, kiểm tra | 20 | | 20 |

| TT | Tên bài, mục | Thời gian | | |
|----|--|------------|------------|------------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành |
| | Phần 2. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài bậc A2 | 360 | 250 | 110 |
| | Bài 1. Anh muốn mua gì? | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 2. Mô tả người. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 3. Tính cách. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 4. Sở thích. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 5. Du lịch. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 6. Thuê khách sạn. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 7. Thuê nhà. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 8. Thời gian rảnh rỗi. | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 9. Thói quen đọc sách. | 16 | 12 | 4 |
| 2 | Bài 10. Nghề nghiệp | 16 | 12 | 4 |
| | Bài 11. Thể thao. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 12. Sức khoẻ. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 13. Học tập. | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 14. Tiền bạc | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 15. Bạn bè | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 16. Y Phục | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 17. Nhà ở | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 18. Gia đình | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 19. Kỳ nghỉ | 18 | 13 | 5 |
| | Bài 20. Viết thư | 18 | 13 | 5 |
| | * Ôn tập, kiểm tra | 20 | | 20 |

| TT | Tên bài, mục | Thời gian | | |
|----|--|-----------|-----------|-----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành |
| 3 | Phần 3. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài bậc B1 | 360 | 200 | 160 |
| | Bài 1. Những dự định | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 2. Việc làm | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 3. Giao thông | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 4. Nông thôn và thành thị | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 5. Môi trường | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 6. Thể thao | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 7. Phong tục, tập quán | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 8. Tình yêu quê hương | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 9. Công nghệ thông tin | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 10. Cảm ơn và xin lỗi | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 11. Thời tiết | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 12. Tình yêu và hôn nhân | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 13. Những phát minh | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 14. Hoạt động tình nguyện | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 15. Âm nhạc | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 16. Lối sống công nghiệp | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 17. Cá nhân và gia đình | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 18. Những giá trị cuộc sống | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 19. Những tình huống khó xử | 17 | 10 | 7 |
| | Bài 20. Kỹ năng sống | 20 | | 20 |
| | * Ôn tập, kiểm tra | | | |

| TT | Tên bài, mục | Thời gian | | |
|----|--|-----------|-----------|-----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành |
| | Phần 4. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài bậc B2 | 285 | 160 | 125 |
| | Bài 1. Tết Việt Nam | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 2. Khoa học công nghệ | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 3. Đám cưới | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 4. Lễ hội | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 5. Ẩm thực | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 6. Y học dân tộc và y học hiện đại | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 7. Trang phục truyền thống | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 8. Các loại hình nghệ thuật | 14 | 8 | 5 |
| | Bài 9. Để học tốt tiếng Việt | 13 | 8 | 5 |
| | Bài 10. Quá trình đô thị hoá | 13 | 8 | 5 |
| 4 | Bài 11. Báo cáo luận văn tốt nghiệp | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 12. Hệ thống giáo dục quốc dân | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 13. Biến đổi khí hậu | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 14. Để làm việc hiệu quả hơn | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 15. Dân số Việt Nam | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 16. Đông Nam Á | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 17. Việt Nam - đất nước, con người | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 18. Kinh tế | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 19. Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội | 14 | 8 | 6 |
| | Bài 20. Tình hữu nghị Việt Nam với các nước trên thế giới | 14 | 8 | 6 |
| | * Ôn tập, kiểm tra | 15 | | 15 |

| TT | Tên bài, mục | Thời gian | | |
|------------------|--------------|--------------|------------|------------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành |
| 5 | Thực tế | 60 | | 60 |
| Tổng cộng | | 1.425 | 860 | 565 |

E. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

PHẦN 1: TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẬC A1

(Thời gian: 360 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được bảng chữ cái, hệ thống âm vị tiếng Việt, cách ghép vần tiếng Việt. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản thuộc các chủ đề thông thường trong cuộc sống như: Chào hỏi, giới thiệu về quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ... Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản như từ loại và một số mẫu câu cần bản trong tiếng Việt (5).

2. Đọc được thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt để vận dụng vào việc tra từ điển tiếng Việt và truy cập thông tin trên Internet. Phát âm rõ thanh điệu tiếng Việt và ghép vần âm tiết tiếng Việt một cách dễ dàng. Nghe và viết được âm tiết tiếng Việt khi được người nói phát âm rõ ràng với tốc độ chậm. Trả lời được những thông tin liên quan đến các chủ đề được giới thiệu trong học phần; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp (6).

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập ghép vần và phát âm âm tiết tiếng Việt, đặc biệt là sự cố gắng trong quá trình phát âm thanh điệu tiếng Việt. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

BÀI 1. ÂM VỊ, CHỮ VIẾT VÀ VẦN TRONG TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được bảng chữ cái, hệ thống âm vị tiếng Việt, cách ghép vần tiếng Việt.

2. Đọc được thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. Phát âm rõ thanh điệu tiếng Việt và ghép vần âm tiết tiếng Việt một cách dễ dàng. Nghe và viết được âm tiết tiếng Việt khi được người nói phát âm rõ ràng với tốc độ chậm.

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập ghép vần và phát âm âm tiết tiếng Việt, đặc biệt là sự cố gắng trong quá trình phát âm thanh điệu tiếng Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chữ cái

2. Hệ thống âm vị tiếng Việt

3. Sự kết hợp giữa các âm vị trong tiếng Việt

4. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 2. CÁCH ĐÁNH VẦN ÂM TIẾT VÀ CÁCH TRA TỪ ĐIỂN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được cách đánh vần âm tiết tiếng Việt, trình bày được cách tra từ điển.

2. Đọc được thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt để vận dụng vào việc tra từ điển tiếng Việt và truy cập thông tin trên Internet. Đánh vần âm tiết tiếng Việt và ghép vần âm tiết tiếng Việt một cách dễ dàng. Nghe và viết được âm tiết tiếng Việt khi được người nói phát âm rõ ràng với tốc độ chậm.

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập phát âm âm tiết tiếng Việt, đặc biệt là sự cố gắng trong quá trình phát âm thanh điệu tiếng Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Cách đánh vần âm tiết tiếng Việt

2. Cách tra từ điển tiếng Việt

3. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 3. LUYỆN VIẾT CHỮ CÁI VÀ CHỮ SỐ TRONG TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nét cơ bản của chữ cái tiếng Việt.

2. Viết được chữ cái tiếng Việt theo các hình thức chữ viết thường, chữ viết hoa, chữ in hoa; viết được chữ số.

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập viết chữ tiếng Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Luyện viết các nét cơ bản của chữ viết tiếng Việt

2. Luyện viết chữ cái viết thường

3. Luyện viết chữ cái viết hoa

4. Luyện viết chữ số

5. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 4. LUYỆN VIẾT CÁC VẦN TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nhóm vần tiếng Việt: Nhóm vần có âm đệm giống nhau, nhóm vần có âm chính giống nhau, nhóm vần có âm cuối giống nhau.

2. Viết được các chữ có chứa các vần tiếng Việt. Phát âm chính xác các vần tiếng Việt

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập viết và đọc các vần tiếng Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Luyện viết các nhóm vần có âm đệm giống nhau

2. Luyện viết các nhóm vần có âm chính giống nhau

3. Luyện viết các nhóm vần có âm cuối giống nhau

4. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 5. LUYỆN VIẾT CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy tắc chính tả tiếng Việt: Quy tắc kết hợp vần với dấu, quy tắc ghi dấu thanh, quy tắc viết hoa, quy tắc về khoảng cách giữa các âm tiết.

2. Viết được đúng chính tả câu, đoạn văn, bài thơ, bài ca dao

3. Có ý thức cố gắng trong việc luyện tập viết đúng chữ tiết tiếng Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Quy tắc chính tả tiếng Việt

2. *Luyện viết câu*
3. *Luyện viết đoạn văn*
4. *Luyện viết bài thơ, ca dao đơn giản*

BÀI 6. CHÀO HỎI, LÀM QUEN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản thuộc chủ đề chào hỏi, làm quen. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về từ loại tiếng Việt.
2. Nghe được các câu chào hỏi và đáp lại được. Viết được chính tả các âm tiết, các câu chào hỏi tiếng Việt.
3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 7. GIỚI THIỆU TÊN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu tên. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về từ loại và mẫu câu giới thiệu tên trong tiếng Việt.
2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề giới thiệu tên; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 8. GIỚI THIỆU QUỐC TỊCH

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu quốc tịch. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về từ loại và mẫu câu giới thiệu quốc tịch trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề giới thiệu quốc tịch; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm**8. Bài tập, hướng dẫn tự học****BÀI 9. NGHỀ NGHIỆP****(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu nghề nghiệp. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu giới thiệu nghề nghiệp trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề giới thiệu nghề nghiệp; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Hội thoại****2. Từ vựng****3. Ngữ pháp****4. Thực hành nói****5. Thực hành nghe****6. Thực hành viết****7. Phát âm****8. Bài tập, hướng dẫn tự học****BÀI 10. THỜI GIAN (HỎI GIỜ)****(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề hỏi thời gian (hỏi giờ). Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về từ loại và mẫu câu nói về giờ trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề hỏi thời gian (hỏi giờ); vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 11. THỜI GIAN (NGÀY, THÁNG)

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề hỏi thời gian (ngày tháng). Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về ngày tháng trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề hỏi thời gian (ngày tháng); vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 12. THỜI GIAN (NGÀY, THÁNG, NĂM)

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề hỏi thời gian (ngày tháng, năm). Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về ngày tháng năm trong tiếng Việt.
2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề hỏi thời gian (ngày tháng năm); vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.
3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 13. ÔN TẬP

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy tắc chính tả tiếng Việt. Diễn đạt nội dung giao tiếp cơ bản thuộc các chủ đề thông thường trong cuộc sống như: Chào hỏi, giới thiệu về quốc tịch, nghề nghiệp. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản như từ loại và một số mẫu câu cần bản trong tiếng Việt.

2. Phát âm rõ thanh điệu tiếng Việt và ghép vần âm tiết tiếng Việt một cách dễ dàng. Trả lời được những thông tin liên quan đến các chủ đề được giới thiệu trong học phần; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Ôn tập phát âm, chữ viết

2. Ôn tập từ vựng

3. Ôn tập mẫu lời nói

4. Ôn tập ngữ pháp

BÀI 14. NƠI SỐNG VÀ LÀM VIỆC

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề nơi sống và làm việc. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về nơi sống và làm việc trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề nơi sống và làm việc; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 15. QUÊ QUÁN

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu quê quán. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về quê quán trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến chủ đề quê quán; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 16. NƠI HỌC TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề nơi học tiếng Việt. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về nơi học tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến nơi học tiếng Việt; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 17. TÌM ĐƯỜNG ĐI

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề đường đi. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về đường đi trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến đường đi; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 18. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề phương tiện giao thông. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về phương tiện giao thông trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến phương tiện giao thông; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 19. GIA ĐÌNH

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu gia đình. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về giới thiệu gia đình trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến giới thiệu gia đình; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Luôn luôn có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Phát âm

8. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 20. NHÀ HÀNG, THỰC ĐƠN

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được nội dung giao tiếp cơ bản về chủ đề giới thiệu nhà hàng thực đơn. Mô tả được kiến thức ngữ pháp cơ bản về mẫu câu nói về giới thiệu nhà hàng thực đơn trong tiếng Việt.

2. Nghe và nói được những thông tin liên quan đến giới thiệu nhà hàng thực đơn; vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để tạo lập phát ngôn đúng cấu trúc ngữ pháp.

3. Có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành phát âm bằng cách đối đáp với nhau bằng tiếng Việt. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Phát âm*
8. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

PHẦN 2: TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẬC A2

(Thời gian: 360 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các chủ đề giao tiếp cơ bản như mua bán hàng hóa, thuê phòng, nghề nghiệp, sở thích... diễn đạt được các kiến thức về các kiểu cấu trúc câu cơ bản của tiếng Việt để tạo nền tảng tạo phát ngôn trong giao tiếp. Diễn đạt được từ ngữ liên quan đến các chủ đề giao tiếp về sức khỏe, tiền bạc, kỳ nghỉ... (7).

2. Thực hiện các cuộc giao dịch mua bán, thuê phòng; nói được về sở thích; nghe được người khác nói với tốc độ vừa phải. Tham gia được các cuộc giao tiếp liên quan đến các chủ đề trên. Nghe, nói và viết đoạn văn về các chủ đề liên quan. Tạo lập được các kiểu câu, đặc biệt là câu đơn và câu ghép.

3. Tích cực tham gia giờ thực hành giao tiếp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn. Tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

BÀI 1. ANH MUỐN MUA GÌ?

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách dùng câu hỏi khi mua sắm, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu phù hợp với nội dung và vai giao tiếp.

2. Nghe, nói, đọc, viết được các mẫu câu hỏi đáp về mua sắm, kiểu câu có kết cấu không những... mà còn, đoạn văn ngắn về mua sắm phục vụ đời sống hàng ngày.

3. Có thái độ học tập tích cực và thường xuyên luyện tập, thực hành các mẫu câu hỏi và trả lời về mua sắm. Ý thức rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tế về lĩnh vực mua sắm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 2. MÔ TẢ NGƯỜI

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách miêu tả về người, đặc biệt những người thân trong gia đình, bạn bè, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu phù hợp đối tượng.

2. Nghe, nói, đọc, viết được các mẫu câu so sánh, nhận xét, lựa chọn; kiểu câu có kết cấu vừa...vừa, đoạn văn ngắn miêu tả về người thân, bạn bè.

3. nỗ lực luyện tập, thực hành các mẫu câu so sánh, nhận xét trong miêu tả người. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết miêu tả người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 3. TÍNH CÁCH

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nhận xét về tính cách người, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về tính cách người.

2. Nghe, nói, đọc, viết được các mẫu câu để hỏi, nhận xét về tính cách người như chắc là, thế nào, có lẽ, đoạn văn ngắn miêu tả về tính cách của người thân, bạn bè.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về tính cách người. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về tính cách người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 4. SỞ THÍCH

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về sở thích của bản thân và bạn bè, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về sở thích.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về sở thích như hãy, chẳng hạn, ngoài ra, trừ..., đoạn văn ngắn miêu tả về sở thích của mình và những người xung quanh.

3. Nỗ lực luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về sở thích người. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về sở thích của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 5. DU LỊCH

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về du lịch, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về du lịch.

2. Nghe, nói, đọc, viết được các từ ngữ, mẫu câu về du lịch như nếu... thì, tuy...nhưng, vì... nên, viết đoạn văn ngắn miêu tả về việc đi du lịch.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về du lịch. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc, viết về việc đi du lịch của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập**BÀI 6. THUÊ KHÁCH SẠN****(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về việc thuê khách sạn, nơi ăn nghỉ của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về thuê khách sạn.

2. Nghe, nói, đọc, viết được các từ ngữ, mẫu câu về thuê khách sạn như thưa, nhờ, tuy...nhưng, đoạn văn ngắn nói về việc thuê khách sạn.

3. Có thái độ luyện tập, thực hành tốt các từ ngữ, mẫu câu nói về thuê khách sạn. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về việc thuê khách sạn của cá nhân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Hội thoại****2. Từ vựng****3. Ngữ pháp****4. Thực hành nói****5. Thực hành nghe****6. Thực hành viết****7. Bài đọc****8. Bài tập****BÀI 7. THUÊ NHÀ****(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về việc thuê nhà ở của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về thuê nhà ở.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về thuê nhà ở như các, những..., thì...thì, đoạn văn ngắn nói về việc thuê nhà.

3. Ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về thuê khách sạn. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về việc thuê nhà của cá nhân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 8. THỜI GIAN RÀNH RỖI

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về thời gian rảnh rỗi ở của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về thời gian rảnh rỗi.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về thời gian rảnh như tất cả, cả, càng...càng, đoạn văn ngắn nói về thời gian rảnh rỗi.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về thời gian rảnh. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về thời gian rảnh rỗi của cá nhân, bạn bè, người thân.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 9. THÓI QUEN ĐỌC SÁCH

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ đánh giá, nói về thói quen đọc sách của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về thói quen đọc sách.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về thói quen đọc sách, các mẫu câu đã học tuy...nhưng, vì...nên, càng...càng, đoạn văn ngắn nói về thói quen đọc sách.

3. nỗ lực luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về thói quen đọc sách. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về thói quen đọc sách của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*

2. *Từ vựng*

3. *Ngữ pháp*

4. *Thực hành nói*

5. *Thực hành nghe*

6. *Thực hành viết*

7. *Bài đọc*

8. *Bài tập*

BÀI 10. NGHỀ NGHIỆP

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về nghề nghiệp của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu về nghề nghiệp.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về nghề nghiệp, các mẫu câu gián tiếp, trực tiếp, mẫu câu mặc dù...nhưng, đoạn văn ngắn nói về nghề nghiệp của bản thân và bạn bè, người thân.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về thói quen đọc sách. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về nghề nghiệp của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 11. THỂ THAO

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về sức khỏe của bản thân và người khác, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu nói về thể thao.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ mà, chứ, miễn là, mẫu câu về sức khỏe, các mẫu câu chuyển từ chủ động sang bị động, đoạn văn ngắn nói về thể thao.

3. Cố gắng luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về thể thao. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về luyện tập thể thao.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 12. SỨC KHOẺ**(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về thể thao, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về sức khỏe.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, mẫu câu về thể thao các mẫu câu trực tiếp, gián tiếp, chuyển câu trực tiếp sang gián tiếp, ngược lại. Nghe, nói, đọc, viết được đoạn văn ngắn nói về sức khỏe.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về sức khỏe. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về sức khỏe.

II. NỘI DUNG BÀI*1. Hội thoại**2. Từ vựng**3. Ngữ pháp**4. Thực hành nói**5. Thực hành nghe**6. Thực hành viết**7. Bài đọc**8. Bài tập***BÀI 13. HỌC TẬP****(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về học tập của bản thân và bạn bè, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu nói về học tập.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo cấu trúc bao giờ... cũng, hễ... là, ai..., chỉ... là..., các mẫu câu rút gọn, đoạn văn ngắn nói về việc học tập của bản thân và bạn bè.

3. nỗ lực luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về học tập. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về học tập của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 14. TIỀN BẠC

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về tiền bạc của bản thân, gia đình, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu nói về tiền bạc.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu, đoạn khi nói về tiền bạc, các mẫu câu rút gọn, mẫu câu sử dụng các trợ từ, đoạn văn ngắn nói về tiền bạc của bản thân và người thân.

3. Có thái độ đúng đắn trong luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về tiền bạc. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về tiền bạc của cá nhân, người thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 15. BẠN BÈ**(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về bạn bè, mối quan hệ của bản thân, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu nói về bạn bè.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo kết cấu mới... đã, hễ... là, chỉ... mỗi, có... mỗi, miễn... là, tiếc... là, ôn các mẫu câu mở rộng thành phần, rút gọn, đoạn văn ngắn nói về bạn bè của bản thân.

3. Luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu nói về bạn bè. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI*1. Hội thoại**2. Từ vựng**3. Ngữ pháp**4. Thực hành nói**5. Thực hành nghe**6. Thực hành viết**7. Bài đọc**8. Bài tập***BÀI 16. Y PHỤC****(Thời gian: 18 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về y phục của bản thân, bạn bè, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về y phục.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo kết cấu có từ mà..., cho..., thôi... vậy, các mẫu câu tường thuật, đoạn văn ngắn nói về y phục.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu, đoạn nói về y phục. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về y phục của bản thân, bạn bè.

II. NỘI DUNG BÀI*1. Hội thoại*

2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 17. NHÀ Ở

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về nhà ở của bản thân, gia đình, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về nhà ở.
2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo kết cấu chẳng lẽ, các mẫu câu nghi vấn. Nghe, nói, đọc, viết được đoạn văn ngắn nói về nhà ở.
3. Cố gắng luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu, đoạn nói về nhà ở. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về nhà ở của bản thân, gia đình.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 18. GIA ĐÌNH

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về gia đình, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về gia đình.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo kết cấu làm sao... được, còn gì, làm gì, các mẫu câu cầu khiến. Nghe, nói, đọc, viết được đoạn văn ngắn nói về gia đình.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu, đoạn nói về gia đình. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về gia đình.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 19. KỶ NGHỈ

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về gia đình, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn nói về kỳ nghỉ.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu theo kết cấu có từ đứng đầu câu hay là..., chứ..., các mẫu câu cảm thán, đoạn văn ngắn nói về kỳ nghỉ của bản thân, gia đình, bạn bè.

3. Có ý thức luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu, đoạn nói về nhà ở. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết về kỳ nghỉ.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 20. VIẾT THƯ

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mẫu câu, từ ngữ nói về gia đình, sử dụng đúng các từ ngữ, kiểu câu, đoạn, bài khi viết thư.

2. Nghe, đọc, nói, viết được các từ ngữ, câu có thán từ, ôn các mẫu câu cầu khiến, cảm thán đã học, đoạn văn, bức thư hoàn chỉnh gửi gia đình, bạn bè.

3. Nỗ lực luyện tập, thực hành các từ ngữ, mẫu câu, đoạn, bức thư. Thường xuyên thực hành nghe, nói, đọc và viết bức thư đúng mẫu.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

PHẦN 3: TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẠC B1

(Thời gian: 360 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí (8);

2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến những chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân mình quan tâm;

3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

BÀI 1. NHỮNG DỰ ĐỊNH**(Thời gian: 17 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được các ý chính của một đoạn văn về chủ đề những dự định trong tương lai;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề những dự định trong tương lai;
3. Nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 2. VIỆC LÀM**(Thời gian: 17 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được các ý chính của một đoạn văn về chủ đề nghề nghiệp, việc làm;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề nghề nghiệp, việc làm;
3. Có ý thức trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*

2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 3. GIAO THÔNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của một đoạn văn về chủ đề giao thông;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề giao thông;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*
5. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 4. NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của một đoạn văn về chủ đề nông thôn và thành thị;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề nông thôn và thành thị;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 5. MÔI TRƯỜNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề môi trường;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề môi trường;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*

7. *Thực hành viết*

8. *Bài đọc*

9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 6. THỂ THAO

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề thể thao;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề thể thao;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*

2. *Hội thoại*

3. *Từ vựng*

4. *Ngữ pháp*

5. *Thực hành nói*

6. *Thực hành nghe*

7. *Thực hành viết*

8. *Bài đọc*

9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 7. PHONG TỤC, TẬP QUÁN

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của bài phát biểu về chủ đề phong tục, tập quán;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề phong tục, tập quán;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 8. TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của đoạn văn về chủ đề quê hương;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề quê hương;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 9. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề công nghệ thông tin;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề công nghệ thông tin;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 10. CẢM ƠN VÀ XIN LỖI

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của đoạn văn về chủ đề văn hoá ứng xử;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề văn hoá ứng xử;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*

6. Thực hành nghe

7. Thực hành viết

8. Bài đọc

9. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 11. THỜI TIẾT

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề thời tiết;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề thời tiết;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận

2. Hội thoại

3. Từ vựng

4. Ngữ pháp

5. Thực hành nói

6. Thực hành nghe

7. Thực hành viết

8. Bài đọc

9. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 12. TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của bài phát biểu về chủ đề tình yêu và hôn nhân;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề tình yêu và hôn nhân;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận
2. Hội thoại
3. Từ vựng
4. Ngữ pháp
5. Thực hành nói
6. Thực hành nghe
7. Thực hành viết
8. Bài đọc
9. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 13. NHỮNG PHÁT MINH

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề khoa học;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề khoa học;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận
2. Hội thoại
3. Từ vựng
4. Ngữ pháp
5. Thực hành nói
6. Thực hành nghe
7. Thực hành viết
8. Bài đọc
9. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 14. HOẠT ĐỘNG TÌNH NGUYỆN

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của bài phát biểu về chủ đề hoạt động tình nguyện;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề hoạt động tình nguyện;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 15. ÂM NHẠC

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề hoạt động âm nhạc;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề âm nhạc;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*

5. *Thực hành nói*

6. *Thực hành nghe*

7. *Thực hành viết*

8. *Bài đọc*

9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 16. LỐI SỐNG CÔNG NGHIỆP

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề lối sống công nghiệp;

2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề lối sống công nghiệp;

3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*

2. *Hội thoại*

3. *Từ vựng*

4. *Ngữ pháp*

5. *Thực hành nói*

6. *Thực hành nghe*

7. *Thực hành viết*

8. *Bài đọc*

9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 17. CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng;

2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng;

3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận

2. Hội thoại

3. Từ vựng

4. Ngữ pháp

5. Thực hành nói

6. Thực hành nghe

7. Thực hành viết

8. Bài đọc

9. Bài tập, hướng dẫn tự học

BÀI 18. NHỮNG GIÁ TRỊ CUỘC SỐNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của bài phát biểu về chủ đề những giá trị cuộc sống;

2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề những giá trị cuộc sống;

3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận

2. Hội thoại

3. Từ vựng

4. Ngữ pháp

5. Thực hành nói

6. Thực hành nghe

7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 19. NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÓ XỬ

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề những tình huống khó xử;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề những tình huống khó xử;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Giới thiệu và thảo luận*
2. *Hội thoại*
3. *Từ vựng*
4. *Ngữ pháp*
5. *Thực hành nói*
6. *Thực hành nghe*
7. *Thực hành viết*
8. *Bài đọc*
9. *Bài tập, hướng dẫn tự học*

BÀI 20. KỸ NĂNG SỐNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ý chính của những đoạn văn về chủ đề kỹ năng sống;
2. Thực hành viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề kỹ năng sống;
3. Có nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu và thảo luận
2. Hội thoại
3. Từ vựng
4. Ngữ pháp
5. Thực hành nói
6. Thực hành nghe
7. Thực hành viết
8. Bài đọc
9. Bài tập, hướng dẫn tự học

PHẦN 4: TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẬC B2

(Thời gian: 285 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến các chủ đề về con người, các phong tục tập quán, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội... của dân tộc Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề về con người, các phong tục tập quán, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội... của dân tộc Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

BÀI 1. TẾT VIỆT NAM

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề Tết truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề Tết truyền thống của dân tộc Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 2. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề khoa học công nghệ. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề khoa học công nghệ.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 3. ĐÁM CƯỚI

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề đám cưới truyền thống của người Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề đám cưới truyền thống của người Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 4. LỄ HỘI

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề các lễ hội truyền thống của người Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề các lễ hội truyền thống của người Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 5. ÂM THỰC

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề âm thực của người Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề âm thực của người Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 6. Y HỌC DÂN TỘC VÀ Y HỌC HIỆN ĐẠI

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề y học dân tộc và y học hiện đại của nước Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề y học dân tộc và y học hiện đại của nước Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài đọc*
8. *Bài tập*

BÀI 7. TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề các trang phục truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề các trang phục truyền thống của dân tộc Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*

2. *Từ vựng*

3. *Ngữ pháp*

4. *Thực hành nói*

5. *Thực hành nghe*

6. *Thực hành viết*

7. *Bài đọc*

8. *Bài tập*

BÀI 8. CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề các loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề các loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 9. ĐỀ HỌC TỐT TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề đề học tốt tiếng Việt. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề đề học tốt tiếng Việt.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 10. QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề quá trình đô thị hoá. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề quá trình đô thị hoá.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 11. BÁO CÁO LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề báo cáo luận văn tốt nghiệp. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề báo cáo luận văn tốt nghiệp.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài đọc

8. Bài tập

BÀI 12. HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề hệ thống giáo dục quốc dân. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề báo cáo luận văn tốt nghiệp.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài tập*

BÀI 13. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề biến đổi khí hậu. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề biến đổi khí hậu.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*
2. *Từ vựng*
3. *Ngữ pháp*
4. *Thực hành nói*
5. *Thực hành nghe*
6. *Thực hành viết*
7. *Bài tập*

BÀI 14. ĐỂ LÀM VIỆC HIỆU QUẢ HƠN

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề để làm việc hiệu quả hơn. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề để làm việc hiệu quả hơn.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài tập

BÀI 15. DÂN SỐ VIỆT NAM

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề dân số Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề dân số Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. *Thực hành nghe*

6. *Thực hành viết*

7. *Bài tập*

BÀI 16. ĐÔNG NAM Á

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề Đông Nam Á. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề Đông Nam Á.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. *Hội thoại*

2. *Từ vựng*

3. *Ngữ pháp*

4. *Thực hành nói*

5. *Thực hành nghe*

6. *Thực hành viết*

7. *Bài tập*

BÀI 17. VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề đất nước - con người Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề đất nước - con người Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Hội thoại*
- 2. Từ vựng*
- 3. Ngữ pháp*
- 4. Thực hành nói*
- 5. Thực hành nghe*
- 6. Thực hành viết*
- 7. Bài tập*

BÀI 18. KINH TẾ

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề kinh tế Việt Nam. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề kinh tế Việt Nam.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Hội thoại*
- 2. Từ vựng*
- 3. Ngữ pháp*
- 4. Thực hành nói*
- 5. Thực hành nghe*
- 6. Thực hành viết*

7. Bài tập**BÀI 19. KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI****(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề khoa học tự nhiên - khoa học xã hội. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề khoa học tự nhiên - khoa học xã hội.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Hội thoại****2. Từ vựng****3. Ngữ pháp****4. Thực hành nói****5. Thực hành nghe****6. Thực hành viết****7. Bài tập****BÀI 20. TÌNH HỮU NGHỊ VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI****(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Diễn đạt được từ ngữ, mô tả được đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề tình hữu nghị Việt Nam với các nước trên thế giới. Trình bày được một số kiến thức liên quan đến ngữ pháp văn bản.

2. Thực hành nghe, nói, đọc, viết một cách thuần thục được những đoạn văn đơn giản liên quan đến chủ đề tình hữu nghị Việt Nam với các nước trên thế giới.

3. Luôn nỗ lực trong việc thực hành bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong hoạt động học cũng như thực tế. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giao tiếp trong thực tiễn; có thái độ tích cực tham gia giao tiếp với bạn cùng lớp và người Việt.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hội thoại

2. Từ vựng

3. Ngữ pháp

4. Thực hành nói

5. Thực hành nghe

6. Thực hành viết

7. Bài tập

F. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG

I. Điều kiện thực hiện chương trình

1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy

Phải bảo đảm số lượng, chất lượng, có phiên dịch để giảng dạy toàn bộ các học phần. Nhà giáo phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định.

2. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học bảo đảm rộng rãi, có không gian để tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống.

3. Trang thiết bị

Máy chiếu (Projector), Máy tính xách tay, ti vi...

4. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Trường Đại học Quảng Nam. Giáo trình tiếng Việt cấp độ A1, A2, B1, B2 dành cho lưu học sinh Lào; 2020.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Giấy A0, A4, bút lông, giấy màu, kéo, keo dán, nam châm, bảng phụ, phấn không bụi, thước, màu tô, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác....

II. Điều kiện hoàn thành khóa bồi dưỡng

Chương trình được thực hiện theo hình thức đào tạo tập trung với số tiết đã quy định. Người học phải học hết chương trình đào tạo theo quy định.

Người học tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Việt ở cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức. Chứng chỉ tiếng Việt được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng từ bậc 1 đến bậc 4 của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.(10)

G. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TRONG CHƯƠNG TRÌNH

I. Kiểm tra trong quá trình đào tạo

1. Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Số bài kiểm tra: 4 bài (mỗi phần A1, A2, B1, B2 thực hiện một bài kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng nghe nói đọc viết, thời gian mỗi bài: 60 phút)

2. Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ

- Số bài kiểm tra: 4 bài (mỗi phần A1, A2, B1, B2 thực hiện một bài kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng nghe nói đọc viết, thời gian mỗi bài: 60 phút)

II. Kiểm tra kết thúc khoá bồi dưỡng

1. Phương pháp, thang điểm đánh giá

Người học tham dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt ở cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá 04 kỹ năng ngôn ngữ tiếng Việt: Nghe, nói, đọc, viết theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (*Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Phạm vi áp dụng chương trình

Chương trình bồi dưỡng Tiếng Việt cho người nước ngoài được sử dụng đào tạo bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài bậc A1, A2, B1, B2.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Cần có tập giáo trình "Tiếng Việt cho người nước ngoài" để làm nguồn tài liệu chính. Người học cần tham khảo thêm các tài khác trên internet và ở thư viện theo giới thiệu của nhà giáo. Tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành có hiệu quả các bài tập cá nhân, bài tập nhóm trên lớp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

1. Âm vị, chữ viết, vần trong tiếng Việt

2. Từ vựng tiếng Việt

3. Các đoạn hội thoại, bài đọc

3. Ngữ pháp tiếng Việt

J. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư số 17/TT- BGDĐT ngày 01 tháng 09 năm 2015 về việc ban hành Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Hà Nội; 2015.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội. Chương trình Bồi dưỡng theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Hà Nội; 2019.

3. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Chương trình đào tạo Tiếng Việt cho người nước ngoài (ban hành kèm theo Quyết định số 1524/ QĐ – ĐHSP ngày 30/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng). Đà Nẵng; 2023.

4. Đoàn Thiện Thuật. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài. Hà Nội: Nxb Thế giới; 2013.

5. Nguyễn Văn Huệ. Tiếng Việt dành cho người nước ngoài 1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh; 2013.

6. Phạm Đình Tường. Giáo trình tiếng Việt cấp độ A1 dành cho lưu học sinh Lào. Quảng Nam; 2020.

7. Huỳnh Thị Ánh Hồng. Giáo trình tiếng Việt cấp độ A2 dành cho lưu học sinh Lào. Quảng Nam; 2020.

8. Bùi Thị Lâm, Dương Thị Ánh Minh. Giáo trình tiếng Việt cấp độ B1 dành cho lưu học sinh Lào. Quảng Nam; 2024.

9. Nguyễn Thị Hồng Sang. Giáo trình tiếng Việt cấp độ B2 dành cho lưu học sinh Lào. Quảng Nam; 2024.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quyết định số 2097/QĐ- BGDĐT ngày 21 tháng 06 năm 2016 về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực theo Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Hà Nội; 2016.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải